

Số: 821/QĐ-UBND

Bỉm Sơn, ngày 22 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn
thông tin trên Mạng TSLCD trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Pháp Lệnh số 30/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000 về bảo vệ bí mật Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 06/2010/TT-BTTTT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành giá cước sử dụng Mạng TSLCD phục vụ các cơ quan Đảng và Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT ngày 11 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng TSLCD của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3396/2012/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên Mạng TSLCD của cơ quan Đảng, Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND&UBND Thị xã,

QUYẾT ĐỊNH:

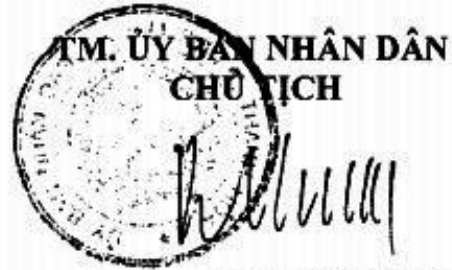
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý mạng số liệu chuyên dùng và bảo đảm an toàn thông tin trên các hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND Thị xã, Trưởng các phòng, ban cơ quan UBND Thị xã, UBND các xã phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND Thị xã (B/c);
- Công an Thị xã (T/h);
- Trưởng các phòng, ban UBND Thị xã (T/h);
- UBND các xã phường (T/h);
- Trung tâm Viễn thông Bim Sơn (T/h);
- Lưu: VT.



Bùi Huy Hùng

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:281 /QĐ- UBND ngày 22/3/2016
của Ủy ban nhân dân thị xã Bỉm Sơn)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế quy định việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng và đảm bảo an toàn thông tin trên các hệ thống dùng chung trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn (Sau đây gọi tắt là Mạng TSLCD) là mạng truyền dẫn tốc độ cao, sử dụng phương thức chuyển mạch nhãn đa giao thức trên nền giao thức liên mạng (IP/MPLS) sử dụng riêng trong hoạt động ứng dụng CNTT của các cơ quan Đảng, Nhà nước do tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam xây dựng, vận hành.

2. Đơn vị sử dụng Mạng TSLCD là các cơ quan thuộc hệ thống chính trị trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn thực hiện kết nối với Mạng TSLCD.

3. Địa chỉ IP (trong đó IP là viết tắt của từ tiếng Anh: Internet Protocol - giao thức Internet) là một địa chỉ đơn nhất mà những thiết bị điện tử sử dụng để nhận diện và liên lạc với nhau trên mạng máy tính bằng cách sử dụng giao thức Internet.

4. Mạng riêng ảo hay VPN (Virtual Private Network) là một mạng dành riêng để kết nối các máy tính của các công ty, tập đoàn hay các tổ chức với nhau thông qua mạng Internet công cộng.

5. MPLS (Multiprotocol Label Switching - Chuyển mạch nhãn đa giao thức) là một phương thức được cải tiến cho việc chuyển tiếp các gói tin trong mạng bằng cách sử dụng các nhãn được gắn thêm vào trong các gói tin IP.

6. VoIP (Voice over Internet Protocol -Thoại trên giao thức IP) là công nghệ truyền âm thanh, tiếng nói (thoại) sử dụng giao thức mạng IP trên cơ sở hạ tầng mạng Internet với thông tin được truyền tải là mã hóa của âm thanh.

7. An toàn thông tin (ATTT): Bao gồm các hoạt động quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật đối với hệ thống thông tin, nhằm bảo vệ, khôi phục các hệ thống, các dịch vụ và nội dung thông tin đối với các nguy cơ chủ quan hoặc khách quan. Việc bảo vệ thông tin, tài sản và con người trong hệ thống thông tin nhằm bảo đảm cho các hệ thống thực hiện đúng chức năng, phục vụ đúng đối tượng một cách sẵn sàng, chính xác và tin cậy. ATTT bao hàm các nội dung bảo vệ và bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng.

8. An ninh thông tin: Là đảm bảo thông tin trên hệ thống thông tin được bảo mật, sẵn sàng và toàn vẹn.

9. TCVN 7562: 2005: Tiêu chuẩn Việt Nam về mã thực hành quản lý ATTT.

Điều 4. Danh mục dịch vụ cung cấp trên Mạng TSLCD.

Danh mục các dịch vụ cung cấp trên mạng truyền số liệu chuyên dùng gồm:

1. Các dịch vụ truyền số liệu và thuê kênh riêng sử dụng công nghệ kết nối mạng riêng ảo (VPN) gồm:

- a) Dịch vụ Intranet IP/MPLS VPN;
- b) Dịch vụ Extranet IP/MPLS VPN;
- c) Dịch vụ Internet IP/MPLS VPN;
- d) Dịch vụ IP VPN truy nhập từ xa;
- đ) Dịch vụ VPN liên kết giữa các nhà cung cấp.

2. Dịch vụ hội nghị truyền hình.

3. Các dịch vụ giá trị gia tăng gồm:

- a) Dịch vụ truy nhập Internet;
- b) Dịch vụ trung tâm dữ liệu;
- c) Dịch vụ cho thuê chỗ trên máy chủ mạng;
- d) Dịch vụ máy chủ mạng;
- đ) Dịch vụ máy chủ thư điện tử;
- e) Dịch vụ thoại VoIP.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG

Điều 5. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng Mạng TSLCD.

1. Quản lý, vận hành và sử dụng Mạng TSLCD phải bảo đảm khai thác hiệu quả tài nguyên mạng máy tính và nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

2. Mạng TSLCD được quản lý, vận hành tập trung, thống nhất; được rà soát kiểm tra, đánh giá định kỳ để bảo đảm an toàn, bảo mật và tính sẵn sàng cao trong quá trình vận hành và sử dụng.

3. Các cơ quan nhà nước trên địa bàn Thị xã sử dụng các dịch vụ được cung cấp trên Mạng TSLCD, được quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

4. Việc sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên Mạng TSLCD phải tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin và lưu trữ.

5. Thông tin được sử dụng, chia sẻ và lưu trữ trên Mạng TSLCD phải là những thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị sử dụng Mạng TSLCD.

6. Các hành vi vi phạm ảnh hưởng đến an toàn, bảo mật của Mạng TSLCD phải được phát hiện kịp thời và xử lý theo quy định của pháp luật.

7. Mạng TSLCD phải bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt, liên tục (24 giờ trong một ngày và 7 ngày trong một tuần).

8. Cước phí sử dụng Mạng TSLCD được tính theo khung giá của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định và được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các đơn vị sử dụng Mạng TSLCD.

Điều 6. Các ứng dụng khai thác qua Mạng TSLCD.

1. Cổng Thông tin điện tử và các cổng thành phần của Thị xã, các dịch vụ công trực tuyến.

2. Điều hành công việc, luân chuyển văn bản giữa UBND Thị xã và UBND các xã phường thông qua phần mềm Quản lý văn bản & Hồ sơ công việc.

3. Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh.

4. Phần mềm Một cửa điện tử hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính.

5. Truy cập, kết nối đến các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

6. Hợp trực tuyến.

7. Các ứng dụng chuyên ngành khác có yêu cầu liên thông, luân chuyển dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thị xã.

Điều 7. Cước phí sử dụng Mạng TSLCD.

Cước phí sử dụng Mạng TSLCD được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước Thị xã và áp dụng theo Thông tư số [06/2010/TT-BTTTT](#) ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành giá cước sử dụng Mạng TSLCD phục vụ các cơ quan Đảng và Nhà nước.

Các đơn vị nếu có nhu cầu kết nối Mạng TSLCD thì liên hệ với Trung tâm Viễn thông Bim Sơn để được hướng dẫn và tự chi trả cước phí hòa mạng và phí sử dụng Mạng TSLCD.

Điều 8. Quy định về cách đặt, thay đổi và bảo vệ mật khẩu trên Mạng TSLCD và các phần mềm dùng chung của Tỉnh.

- Mật khẩu phải bao gồm: Chữ hoa, chữ thường, chữ số, ký tự đặc biệt như \$, #, @, +, -, =, ?, !.
- Độ dài của mật khẩu tối thiểu là 08 ký tự.
- Nội dung mật khẩu không bao gồm các thông tin dễ đoán như tên, ngày tháng năm sinh, số điện thoại, số fax, tên đơn vị hay theo một quy luật nào đó,...
- Mật khẩu có thời hạn sử dụng không quá 03 tháng (nếu sau 03 tháng không thay đổi mật khẩu thì hệ thống sẽ tự động khóa tài khoản).

Chương III

BẢO ĐẢM AN TOÀN MẠNG VÀ THÔNG TIN TRÊN MẠNG TSLCD

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị sử dụng Mạng TSLCD.

1. Phải trang bị đầy đủ các kiến thức cơ bản về máy tính, mạng máy tính, bảo mật thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức trước khi truy nhập và sử dụng hệ thống thông tin qua Mạng TSLCD.
2. Có trách nhiệm phân bổ nguồn lực đầu tư hợp lý để thiết lập hệ thống mạng nội bộ kết nối vào Mạng TSLCD theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước do Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị.
3. Đối với cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc chấm dứt hợp đồng thì cán bộ chuyên trách CNTT của đơn vị phải hủy bỏ quyền truy nhập vào hệ thống thông tin và thu hồi lại các tài liệu, hồ sơ, thông tin liên quan tới tài khoản bị hủy bỏ nhằm tránh tình trạng truy cập trái phép vào hệ thống.
4. Tạo điều kiện cho cán bộ chuyên trách CNTT của đơn vị có điều kiện học tập, tiếp thu công nghệ, kiến thức an toàn bảo mật thông tin.
5. Phải tổ chức quản lý các tài khoản của hệ thống thông tin qua Mạng TSLCD bao gồm: Tạo mới, kích hoạt, sửa đổi, vô hiệu hóa và loại bỏ các tài khoản, đồng thời tổ chức kiểm tra các tài khoản của hệ thống thông tin ít nhất 03 tháng/lần.
6. Tổ chức quản lý tài khoản, phân quyền người sử dụng theo nhóm; Quy định về quyền hạn người sử dụng, giới hạn về thời gian truy nhập hệ thống; Nếu liên tục đăng nhập sai vượt quá số lần quy định thì hệ thống tự động khóa tài khoản hoặc cô lập tài khoản trong một khoảng thời gian nhất định trước khi tiếp tục cho đăng nhập.
7. Hệ thống thông tin phải ghi nhận các sự kiện sau: Quá trình đăng nhập, truy xuất, các thao tác cấu hình hệ thống; Đồng thời ghi nhận đầy đủ các thông tin trong các bản ghi nhật ký để xác định những sự kiện nào đã xảy ra, nguồn

gốc và kết quả của sự kiện để có cơ chế bảo vệ và lưu giữ nhật ký trong một khoảng thời gian nhất định.

8. Phải thiết lập, tổ chức theo dõi, kiểm soát tất cả các phương pháp truy nhập từ xa, truy nhập mạng không dây, truy nhập có chức năng đặc quyền; tổ chức sử dụng và mã hóa chứng thực để bảo vệ truy nhập tới hệ thống thông tin; ngăn chặn các sự cố gây ra do tấn công từ chối dịch vụ. Đồng thời tổ chức triển khai cơ chế tự động giám sát và điều khiển các truy nhập từ xa.

9. Đối với hệ thống thông tin cho phép truy nhập công cộng thì phải được bảo vệ bằng cách trang bị thiết bị chuyên dụng hoặc sử dụng tổng hợp các biện pháp kỹ thuật và thiết lập hệ thống dự phòng.

10. Trong việc sử dụng Mạng TSLCD, đơn vị phải quy định một số nội dung đảm bảo an toàn, an ninh thông tin như sau:

a) Mục tiêu và phương hướng thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh cho hệ thống thông tin.

b) Nguyên tắc phân loại và quản lý mức độ ưu tiên đối với các tài nguyên của hệ thống thông tin (phần mềm, dữ liệu, trang thiết bị...).

c) Quản lý phân quyền và quy định trách nhiệm đối với từng cá nhân khi tham gia sử dụng hệ thống thông tin.

d) Quản lý và điều hành hệ thống máy chủ, thiết bị mạng, thiết bị bảo vệ mạng; việc lưu trữ, sao chép, truyền tải những tài liệu thuộc bí mật nhà nước, sử dụng hộp thư điện tử, thiết bị tháo lắp (USB, thiết bị không dây, máy tính xách tay...).

đ) Nguyên tắc sử dụng an toàn và hiệu quả đối với tất cả các cá nhân tham gia sử dụng hệ thống thông tin.

e) Báo cáo tổng hợp tình hình đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và bảo mật hệ thống thông tin theo định kỳ.

g) Nơi tiếp nhận thông tin, xử lý các sự cố hoặc nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin và bảo mật hệ thống thông tin. Khi quy định về an toàn an ninh thông tin cho đơn vị phải tham khảo các tiêu chuẩn kỹ thuật quản lý ATTT theo quy định hiện hành (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7562:2005 ...) để có sự lựa chọn áp dụng phù hợp cho đơn vị mình.

Điều 10. Trách nhiệm Văn phòng HĐND&UBND Thị xã.

1. Tham mưu quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên mạng máy tính theo các tiêu chuẩn kỹ thuật về dữ liệu và thông số mạng phù hợp với tiêu chuẩn chung do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

2. Xây dựng kế hoạch khai thác, phát triển các ứng dụng trên Mạng TSLCD.

3. Xây dựng kế hoạch tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo về an toàn, bảo mật hệ thống mạng; quản lý và khai thác tài nguyên Mạng TSLCD cho cán bộ,

công chức UBND Thị xã và UBND các xã phường để cập nhật những kiến thức sử dụng và khai thác có hiệu quả Mạng TSLCD phục vụ cho công tác chuyên môn và ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị.

4. Tổng hợp, báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân Tỉnh tình hình khai thác, sử dụng Mạng TSLCD trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn Thị xã theo định kỳ, hoặc đột xuất.

Điều 11. Trách nhiệm của phòng Văn hóa – Thông tin.

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và Viễn thông Bim Sơn thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn mạng và thông tin trên Mạng TSLCD.

2. Chủ trì, phối hợp với Công an Thị xã thanh tra, kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm quy định về an toàn, an ninh mạng và thông tin trên Mạng TSLCD.

Điều 12. Trách nhiệm của Công an Thị xã.

1. Phối hợp với phòng Văn hóa - Thông tin, Viễn thông Bim Sơn trong công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong sử dụng và khai thác Mạng TSLCD; kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về bảo đảm an ninh thông tin trong hoạt động của Mạng TSLCD.

2. Chỉ đạo công an các đơn vị, xã phường phối hợp chặt chẽ với phòng Văn hóa - Thông tin, Viễn thông Bim Sơn bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng; kiểm tra và xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng trong Mạng TSLCD.

3. Các đơn vị chuyên trách bảo vệ an ninh thuộc Công an Thị xã khi phát hiện các thông tin, tài liệu, dữ liệu, đồ vật thuộc Mạng TSLCD liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 151/2005/NĐ-CP ngày 14/12/2005 của Chính phủ, về quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan và cán bộ chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia, phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp các thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu, đồ vật liên quan.

b) Thực hiện theo thẩm quyền các biện pháp thu giữ, sao chép thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu, đồ vật, một phần hoặc toàn bộ hệ thống thiết bị liên quan.

c) Ngăn cản việc truy nhập hệ thống thiết bị, mạng lưới và sử dụng dịch vụ.

d) Hướng dẫn nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ của các tổ chức quản lý, khai thác Mạng TSLCD phục vụ công tác ứng dụng CNTT của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn Thị xã.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của Viễn thông Bim Sơn.

1. Có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan:

a) Quản lý, duy trì, vận hành, khai thác, khắc phục sự cố và đảm bảo an toàn thông tin cho các cơ quan nhà nước tham gia kết nối vào Mạng TSLCD trên phạm vi toàn Thị xã;

b) Đảm bảo các yêu cầu về dung lượng, tốc độ, chất lượng dịch vụ mạng và an toàn, an ninh thông tin đối với đơn vị đăng ký sử dụng;

c) Hỗ trợ các cơ quan sử dụng các dịch vụ được cung cấp trên Mạng TSLCD.

2. Công bố số điện thoại nóng, thư điện tử, địa chỉ để hỗ trợ kỹ thuật và giải quyết khiếu nại của các đơn vị sử dụng Mạng TSLCD.

3. Kịp thời thông báo các loại cước phí, dịch vụ, chính sách sử dụng dịch vụ mới ban hành theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông và Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đến các cơ quan sử dụng Mạng TSLCD trên địa bàn Thị xã.

Điều 14. Trách nhiệm của cán bộ chuyên trách CNTT về an toàn, an ninh thông tin, bảo mật trên Mạng TSLCD:

- Chịu trách nhiệm tham mưu và vận hành an toàn hệ thống thông tin của đơn vị.

- Cập nhật cấu hình chuẩn cho các thành phần của hệ thống khi tiến hành cài đặt, thiết lập cấu hình tối ưu cho các thiết bị an toàn thông tin của hệ thống thông tin hoạt động đạt hiệu quả nhất.

- Thường xuyên sao lưu hệ thống thông tin và lưu trữ thông tin ở nơi an toàn. Đồng thời tổ chức kiểm tra thông tin sao lưu để đảm bảo tính sẵn sàng và toàn vẹn của thông tin.

- Tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống lây nhiễm virus, mã độc và thư rác trong hệ thống thông tin; Sử dụng thiết bị, phần mềm để phát hiện, ngăn chặn, tiêu diệt virus, mã độc, thư rác được truyền tải bởi: Internet, tập tin đính kèm từ thư điện tử, thiết bị lưu trữ di động nhằm khai thác lỗ hổng của hệ thống thông tin. Đồng thời, cập nhật thường xuyên các phần mềm diệt virus, chống mã độc và thư rác sao cho phù hợp với quy trình quản lý cấu hình hệ thống thông tin.

- Tổng hợp báo cáo, đánh giá mức độ nghiêm trọng của các rủi ro có thể xảy ra và thực hiện các biện pháp phòng chống các rủi ro.

- Tham gia đầy đủ các buổi hội nghị, lớp tập huấn, chương trình đào tạo do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức;

- Thiết lập địa chỉ IP trên các máy trạm tham gia vào hệ thống mạng nội bộ của đơn vị;

- Lập sổ nhật ký để theo dõi quá trình hoạt động của các thiết bị kết nối Mạng TSLCD; quá trình kết nối, sử dụng Mạng TSLCD.

- Phối hợp xử lý sự cố kết nối với Mạng TSLCD: Khi có sự cố kết nối với Mạng TSLCD các cơ quan, đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

+ Đối với các sự cố thông thường (về kết nối, tốc độ, chất lượng dịch vụ,...) các cơ quan, đơn vị liên hệ Viễn thông Bim Sơn để được hỗ trợ khắc phục sự cố;

+ Đối với các sự cố nghiêm trọng (các sự cố liên quan đến thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, đường truyền, các sự cố liên quan đến an ninh thông tin, mất dữ liệu,...) ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của cơ quan, đơn vị; vượt quá khả năng tự khắc phục của cơ quan, đơn vị phải nhanh chóng thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông và Viễn thông Bim Sơn để tổ chức phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành khắc phục kịp thời.

Điều 15. Trách nhiệm của cá nhân sử dụng Mạng TSLCD.

1. Người sử dụng phải tuyệt đối tuân thủ những quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Mạng TSLCD.

2. Không thực hiện truy cập trái phép vào Mạng TSLCD.

3. Không tự ý cài đặt, tháo gỡ, di chuyển, can thiệp không đúng thẩm quyền vào các thiết bị đã thiết lập trên Mạng TSLCD vào các mục đích không thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ; không cung cấp, phát tán thông tin không được pháp luật cho phép; không cố tình gây mất an toàn, an ninh thông tin.

4. Không tiết lộ sơ đồ tổ chức hệ thống mạng, mật khẩu truy nhập các ứng dụng trên Mạng TSLCD cho các tổ chức, cá nhân không đúng thẩm quyền.

5. Khi sự cố xảy ra, cần thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền của đơn vị mình để kịp thời giải quyết.

Chương IV SỬ DỤNG MẠNG TSLCD

Điều 16. Sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên Mạng TSLCD.

1. Thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước được truyền tải trên Mạng TSLCD phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Việc sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên Mạng TSLCD phải tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin và lưu trữ.

3. Thông tin được sử dụng, chia sẻ và lưu trữ trên Mạng TSLCD phải là những thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị sử dụng Mạng TSLCD.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm hướng dẫn, thi hành.

1. Phòng Văn hóa – Thông tin có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này cho các cơ quan Nhà nước trên địa bàn Thị xã.

2. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng Mạng TSLCD, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm tổ chức triển khai, sử dụng, khai thác hiệu quả và kiểm tra việc chấp hành tại đơn vị theo đúng nội dung quy định của Quy chế này.

Điều 18. Xử lý vi phạm.

Các hành vi vi phạm gây ảnh hưởng đến an toàn Mạng TSLCD và an ninh thông tin truyền tải trên mạng TSLCD phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Điều khoản thi hành.

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, khó khăn, các đơn vị quản lý, vận hành, sử dụng Mạng TSLCD và các cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Văn phòng HĐND&UBND Thị xã để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thị xã xem xét, quyết định./.